**Toán**

**Bài 1: ÔN TẬP VỀ SỐ TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau::

- Cùng cố và hoàn thiện các kỹ năng đọc, viết, phân tích số và so sánh được các số tự nhiên.

- Học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

- HS hòa nhập tập tô, tập viết các chữ số từ 0 đến 9 theo mẫu cỡ nhỡ, cỡ nhỏ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

- Máy tính, máy chiếu.

- Bảng phụ, phiếu BT5b.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. Hoạt động khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ***“Viết số,***  ***đọc số”***.  - GV cho HS tham gia trò chơi bằng cách hoàn thành***bài tập 1 (trang 6 – SGK Toán 5 tập 1)****.*  ***+ Cách chơi:*** GV nêu câu hỏi, HS chú ý lắng nghe và giơ tay phát biểu giành quyền trả lời. Ai có số câu trả lời đúng nhiều hơn thì người đó dành chiến thắng.  *+ GV: “565 200 đọc là gì?”*  *+ GV: “15 009 đọc là gì?”*  *+ GV: “8 012 634 đọc là gì?”*  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV dẫn dắt HS vào bài học: *“Các em đã được học về số tự nhiên. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập các kiến thức đã học và vận dụng để giải quyết một số tình huống thực tế. “****Bài 1: Ôn tập về số tự nhiên****”.*  **C. Hoạt động: Luyện tập - Thực hành.**  **Bài 2:**  *a) Đọc rồi nêu giá trị của chữ số 7 trong mỗi số sau:*    *b) Viết mỗi số ở câu a thành tổng (theo mẫu):*  - GV và HS làm mẫu trong sách lên bảng    - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ghi.  - GV mời 2 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  **Bài 3:*>;<;=***    - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV mời2HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.  - GV cho HS lí giải tại sao lại lưa chọn dấu so sánh đó?  - GV chữa bài, nhắc lại cách so sánh hai số có nhiều chữ số.  **Bài 4: *Sắp xếp các số sau theo thứ tự:***  a) Từ lớn đến bé: 422 357;322 945;  223 954; 432 375.  b) Từ bé đến lớn: 185 867; 184 999;  186 143; 186 134.  - GV cho HS làm bài cá nhân, đọc đề, suy nghĩ lựa chọn cách giải và trình bày bài giải.  - GV cho HS đổi chéo vở chữa bài, chia sẻ với bạn cách làm.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  **D. Hoạt động vận dụng**  **Bài 5: Dân số của một số tỉnh/ thành phố tính đến năm 2021 được thống kê trong bảng dưới đây:**    - GV gọi 1 HS đọc bảng thống kê  *a) Chọn đáp án đúng.*  *- Em hãy giải thích tại sao lại chọn đáp án đó?*  *b) Đặt những câu hỏi liên quan đến bảng số liệu trên.(Thẻ 23)*  - GV yêu HS đọc đề bài, quan sát bảng trong SGK.  - GV gợi ý câu b: *Đặt các câu hỏi liên quan đến so sánh các số tự nhiên.*  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn), thống nhất kết quả và ghi vào Phiếu BT một số câu hỏi và câu trả lời*.(Thẻ 1)*  ( mỗi nhóm 1 hoặc 2 câu)  ***VD: b)*** *Một số câu hỏi liên quan:*  *+ Tỉnh/thành phố nào có số dân nhiều nhất?*  *+ Sắp xếp tên các tỉnh/thành phố ứng với số dân theo thứ tự từ lớn đến bé.*  *+ Sắp xếp tên các tỉnh/thành phố ứng với số dân theo thứ tự từ bé đến lớn.*  - GV mời đại diện nhóm trả lời, các nhóm còn lại chú ý lắng nghe.  - GV nhận xét, chữa bài  Bài 6:  *a) Em hãy giúp Tuấn làm tròn những số dưới đây đến hàng trăm, hàng nghìn (theo mẫu):*    - GV cùng HS làm phần mẫu SHS lên bảng.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi: Ghi cách làm tròn số của 2 số còn lại theo yêu cầu vào vở  - LƯU Ý : Số 11 100 cũng là số tròn trăm. Vì vậy, khi làm tròn sô 11 100 đến hàng trăm ta vẫn được số 11 100.  *b) Em hãy đặt những câu hỏi liên quan đến bảng trên.*  - GV gợi ý câu b: *Đặt các câu hỏi liên quan đến làm tròn số tự nhiên.*  *+ Làm tròn độ sâu của Đại Tây Dương đến hàng chục ta được số nào?*  *+ Làm tròn độ sâu của Thái Bình Dương đến hàng chục ta được số nào?*  *+ Làm tròn độ sâu của Ấn Độ Dương đến hàng chục ta được số nào?*  - GV yêu HS đọc đề bài, quan sát bảng trong SGK.  - GV cho HS thảo luận theo nhóm đôi (cùng bàn), thống nhất kết quả và ghi vào Phiếu BT một số câu hỏi và câu trả lời.  ( mỗi nhóm 1 hoặc 2 câu)  - GV nhận xét, chữa bài.  **\* Củng cố, dặn dò:**  - Qua bài học hôm nay, em đã ôn tập những kiến thức gì?  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, ......  - Nhắc nhở HS: Đọc và chuẩn bị trước Bài 2 - *Ôn tập về các phép tính với số tự nhiên*. | - HS tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.  *+ HS: “năm trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm”*  *+ HS: “mươi lăm nghìn không trăm linh chín”*  *+ HS: “tám triệu không trăm mười hai nghìn sáu trăm ba mươi tư”*  - HS chú ý lắng nghe, hình thành động cơ học tập.  \* - HS hòa nhập tập tô, tập viết các chữ số từ 0 đến 9 theo mẫu cỡ nhỡ, cỡ nhỏ.  - HS cả lớp hoàn thành bài tập theo yêu cầu.    ***b)****Viết số thành tổng:*  *Ta có: 23 456 789 = 20 000 000 + 3 000 000 + 400 000 + 50 000 + 6 000 + 700 + 80 + 9.*  *Ta có: 987 654 321 = 900 000 000 + 80 000 000 + 7 000 000 + 600 000 + 50 000 + 4 000 + 300 + 20 + 1*  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  *9 998* ***<****10 000*  *24 600* ***>****24 597*  *3 450* ***=*** *34 500 : 10*  *87 699* ***<*** *101 010*  *361 579* ***<****361 580*  *571 100* ***=*** *57 100*  - HS chữa bài vào vở.  - HS hoàn thành bài tập CN theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)****Thứ tự từ lớn đến bé là: 432 375; 422 357; 322 945; 223 954.*  ***b)****Thứ tự từ bé đến lớn là: 184 999; 185 867; 186 134; 186 143.*  - HS chữa bài vào vở.  - Lớp theo dõi vào SHS  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)****Tỉnh/ thành phố có số dân ít nhất là Yên Bái.* ***Chọn đáp án D****.*  *- Vì so với các tỉnh thành phố nêu trên thì số dân của Yên Bái mới chỉ đến con số hàng* ***trăm nghìn****, còn các tỉnh thành kia là con số đến* ***hàng triệu.***  ***+*** *Tỉnh/thành phố có số dân nhiều nhất là thành phố Hồ Chí Minh.*  ***+*** *Thứ tự từ lớn đến bé là:*  *Thành phố Hồ Chí Minh; Hà Nội; Đà Nẵng; Tây Ninh; Yên Bái.*  ***+*** *Thứ tự từ bé đến lớn là:*  *Yên Bái; Tây Ninh; Đà Nẵng; Hà Nội; thành phố Hồ Chí Minh.*  - HS chữa bài vào phiếu.  - HS hoàn thành bài tập theo yêu cầu.  - Kết quả:  ***a)***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên đại dương** | **Độ sâu** | **Làm tròn** | | |  |  | **Đến hàng trăm** | **Đến**  **hàng nghìn** | | Đại Tây Dương | 8 486 | 8 500 | 8 000 | | Thái Bình Dương | 11 100 | ***11 100*** | 11 000 | | Ấn Độ Dương | 7 258 | 7 300 | 7 000 |   - Một số HS phát biểu  ***+*** *Làm tròn độ sâu của Đại Tây Dương đến hàng chục ta được số 8 490 (m).*  ***+*** *Làm tròn độ sâu của Thái Bình Dương đến hàng chục ta được số 11 100 (m).*  ***+*** *Làm tròn độ sâu của Ấn Độ Dương đến hàng chục ta được số 7 260 (m).*  - HS chữa bài vào vở.  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY( NẾU CÓ):**

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*